

Số: 106 /2017/WSB

Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2017

(Về việc công bố thông tin
Báo cáo tài chính hợp nhất
đã kiểm toán năm 2016)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 07103 843 333 Fax: 07103 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2016 bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Nội dung báo cáo bao gồm:


- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Giải trình chênh lệch tăng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 cao hơn năm trước 14,64% do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- + Sản lượng tiêu thụ năm 2016 đạt 118,86 triệu lít bia các chai và bia lon các loại, tăng 14,18% so với năm 2015 làm lợi nhuận sản xuất chính tăng;
- + Lợi nhuận khác tăng do hoạt động bán thanh lý tài sản sau giải thể Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng.

Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /s/

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lưu HC.



Lê Đăng Khoa

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 34

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và GCNĐKKD điều chỉnh gần nhất số 1800586579 vào ngày 14 tháng 9 năm 2016.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TBSGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên	
Ông Đỗ Văn Vê	Thành viên	
Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Công Tước	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Đồng Việt Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Lê Xuân Khởi	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017
Ông Phạm Đình Hùng	Giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Nam	từ ngày 14 tháng 9 năm 2016
Ông Phạm Đình Hùng	trước ngày 14 tháng 9 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61283610/18741213-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận thuế tiêu thụ đặc biệt về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 24 tháng 2 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

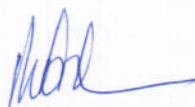
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		116.511.004.451	264.638.705.123
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	18.858.931.844	1.302.904.834
111	1. Tiền		2.558.931.844	1.302.904.834
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.300.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.699.979.751	201.197.676.972
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	28.614.083.257	65.951.048.070
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.554.284.690	1.514.069.884
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	531.611.804	134.380.559.018
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.2	-	(648.000.000)
140	III. Hàng tồn kho	7	66.406.748.524	61.518.993.613
141	1. Hàng tồn kho		66.406.748.524	61.518.993.613
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		545.344.332	619.129.704
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		545.344.332	619.129.704
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		805.013.866.602	853.178.185.048
210	I. Phải thu dài hạn		3.000.000	3.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
220	II. Tài sản cố định		721.832.721.093	761.288.641.076
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	721.832.721.093	761.288.641.076
222	Nguyên giá		949.046.142.911	1.001.309.288.820
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(227.213.421.818)	(240.020.647.744)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		73.881.710	73.881.710
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(73.881.710)	(73.881.710)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.715.215.136	255.396.236
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.715.215.136	255.396.236
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	9	52.093.514.631	52.735.907.401
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		39.838.327.831	40.480.720.601
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.255.186.800	12.255.186.800
260	V. Tài sản dài hạn khác		29.369.415.742	38.895.240.335
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	29.369.415.742	35.690.639.102
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	3.204.601.233
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		921.524.871.053	1.117.816.890.171

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		427.586.082.518	657.915.474.874
310	I. Nợ ngắn hạn		367.352.082.518	412.120.021.749
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	53.871.661.833	102.736.782.597
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		14.625.800	36.448.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	88.580.511.535	75.840.105.319
314	4. Phải trả người lao động		7.659.062.164	11.171.539.154
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	5.860.733.737	7.087.687.356
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	5.558.195.007	4.455.374.835
320	7. Vay ngắn hạn	15	191.512.454.948	197.469.396.293
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		14.294.837.494	13.322.687.495
330	II. Nợ dài hạn		60.234.000.000	245.795.453.125
337	1. Phải trả dài hạn khác		234.000.000	234.000.000
338	2. Vay và nợ dài hạn	15	60.000.000.000	245.500.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		-	61.453.125
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		493.938.788.535	459.901.415.297
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	493.938.788.535	459.901.415.297
411	1. Vốn cổ phần		145.000.000.000	145.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		145.000.000.000	145.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư và phát triển		210.877.316.035	204.940.923.641
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		138.061.472.500	109.960.491.656
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		64.063.466.104	49.355.958.191
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		73.998.006.396	60.604.533.465
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		921.524.871.053	1.117.816.890.171



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	903.021.391.468	826.048.957.427
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(738.848.304.886)	(677.769.852.669)
20	3. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		164.173.086.582	148.279.104.758
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	2.667.071.443	3.941.698.470
22	5. Chi phí tài chính	19	(23.308.322.271)	(27.041.604.822)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(23.308.322.271)	(25.194.577.774)
24	6. Phần lãi từ công ty liên kết	9.1	4.362.607.230	8.315.798.571
25	7. Chi phí bán hàng	20	(5.590.649.693)	(119.911.247)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(36.078.169.237)	(31.511.931.794)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		106.225.624.054	101.863.153.936
31	10. Thu nhập khác	21	19.181.629.469	2.403.847.126
32	11. Chi phí khác	21	(5.112.752.556)	(313.059.546)
40	12. Lợi nhuận khác	21	14.068.876.913	2.090.787.580
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		120.294.500.967	103.953.941.516
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.2	(10.847.357.026)	(8.486.709.606)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		109.447.143.941	95.467.231.910
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	6.500	5.561
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	6.500	5.561


Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu


Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng




Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		120.294.500.967	103.953.941.516
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8	63.295.981.061	69.970.809.824
03	Hoàn nhập dự phòng		(709.453.125)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(25.916.620.085)	(5.224.527.455)
06	Chi phí lãi vay	19	23.308.322.271	25.194.577.774
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		180.272.731.089	193.894.801.659
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		172.275.810.546	(117.167.230.518)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(4.887.754.911)	33.188.875.977
11	Giảm các khoản phải trả		(36.438.781.726)	(193.963.907.291)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		6.395.008.732	(11.200.072.969)
14	Tiền lãi vay đã trả		(25.022.921.521)	(26.457.781.628)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(13.132.786.670)	(11.539.320.783)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.437.620.704)	(11.262.195.161)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		263.023.684.835	(144.506.830.714)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(43.993.033.994)	(43.059.009.245)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		37.663.993.831	7.400.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia		9.662.660.948	6.822.488.297
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		3.333.620.785	(28.836.520.948)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	898.965.888.109	141.469.396.293
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(1.090.422.829.454)	(63.858.329.190)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	16.4	(57.344.337.265)	(46.052.158.525)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(248.801.278.610)	31.558.908.578
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		17.556.027.010	(141.784.443.084)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.302.904.834	143.087.347.918
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	18.858.931.844	1.302.904.834

Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu

Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5703000144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 13 tháng 4 năm 2005 và GCNĐKKD điều chỉnh gần nhất số 1800586579 vào ngày 14 tháng 9 năm 2016.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TBSGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Công ty có một công ty con là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng ("Công ty con"), được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2200584204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23 tháng 6 năm 2011 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Trụ sở của công ty con tại Lô S, Khu Công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 258 (Ngày 31 tháng 12 năm 2015: 289).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang cho hoạt động sản xuất | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	3 – 20 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Hạ tầng Khu Công nghiệp Cần Thơ trong thời hạn từ 10 năm đến 32 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại nếu có phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Trường hợp phát sinh lợi thế thương mại âm thì sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo hướng dẫn tại Công văn số 7228/BTC-TCĐN do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 6 năm 2010, trợ cấp thôi việc chi trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi thực tế phát sinh.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc giả định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Nhóm Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	54.717.056	329.675.218
Tiền gửi ngân hàng	2.504.214.788	973.229.616
Các khoản tương đương tiền	16.300.000.000	-
TỔNG CỘNG	18.858.931.844	1.302.904.834

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại ngân hàng và hưởng lãi suất từ 4,3 - 4,6%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	28.614.083.257	65.771.759.320
Phải thu từ khách hàng khác	-	179.288.750
TỔNG CỘNG	28.614.083.257	65.951.048.070

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	618.181.818	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Hoàng Vũ	233.929.080	-
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Môi Trường Việt An	205.909.090	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	496.264.702	1.362.629.665
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	-	151.440.219
TỔNG CỘNG	1.554.284.690	1.514.069.884
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(648.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.554.284.690	866.069.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	522.611.804	856.023.839
Ký quỹ, ký cược	9.000.000	5.000.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt chi hộ	-	131.508.005.554
Cổ tức phải thu	-	2.002.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	9.529.625
TỔNG CỘNG	<u>531.611.804</u>	<u>134.380.559.018</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ bên thứ ba</i>	<i>531.611.804</i>	<i>870.553.464</i>
<i>Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	<i>-</i>	<i>133.510.005.554</i>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.163.904.105	20.347.410.280
Nguyên liệu, vật liệu	18.619.892.003	19.534.844.577
Thành phẩm	16.069.700.517	13.671.650.916
Công cụ, dụng cụ	11.140.397.172	7.172.782.240
Hàng hóa	412.854.727	7.000.000
Hàng mua đang đi trên đường	-	785.305.600
TỔNG CỘNG	<u>66.406.748.524</u>	<u>61.518.993.613</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	186.791.890.770	792.313.437.434	10.788.393.806	11.415.566.810	1.001.309.288.820
Mua trong năm	7.444.126.996	30.627.964.700	2.140.821.091	2.320.302.307	42.533.215.094
Thanh lý	(13.845.086.835)	(80.359.965.326)	(102.351.300)	(488.957.542)	(94.796.361.003)
Số cuối năm	180.390.930.931	742.581.436.808	12.826.863.597	13.246.911.575	949.046.142.911
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	4.719.520.026	37.167.794.064	3.286.952.294	2.528.816.325	47.703.082.709
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	31.605.172.769	195.694.605.524	6.973.269.077	5.747.600.374	240.020.647.744
Khấu hao trong năm	8.596.127.788	52.539.693.507	1.048.366.706	1.111.793.060	63.295.981.061
Thanh lý	(8.494.548.111)	(67.013.305.587)	(102.351.300)	(493.001.989)	(76.103.206.987)
Số cuối năm	31.706.752.446	181.220.993.444	(7.919.284.483)	6.366.391.445	227.213.421.818
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	155.186.718.001	596.618.831.910	3.815.124.729	5.667.966.436	761.288.641.076
Số cuối năm	148.684.178.485	561.360.443.364	4.907.579.114	6.880.520.130	721.832.721.093
Trong đó:					
Thế chấp (Thuyết minh số 15)	126.614.658.524	521.698.480.944	1.774.615.644	3.835.957.990	653.923.713.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 9.1)	39.838.327.831	40.480.720.601
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 9.2)	12.255.186.800	12.255.186.800
TỔNG CỘNG	<u>52.093.514.631</u>	<u>52.735.907.401</u>

9.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	20	<u>39.838.327.831</u>	20	<u>40.480.720.601</u>

VND
Công ty Cổ phần Bia
Sài Gòn – Bạc Liêu

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm và số cuối năm 7.000.000.000

Phân lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết:

Số đầu năm	33.480.720.601
Phân lãi trong công ty liên kết	4.362.607.230
Nhận cổ tức	<u>(5.005.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>32.838.327.831</u>

Tổng giá trị đầu tư vào công ty liên kết:

Số đầu năm	<u>40.480.720.601</u>
Số cuối năm	<u>39.838.327.831</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu (“BSB”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1900333973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh. BSB có trụ sở chính tại Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam. Hoạt động chính của BSB là sản xuất bia, đồ uống có cồn và nước giải khát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
	VND		%	VND		%
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn – Tây Đô	10.100.000.000	1.010.000	9.71	10.100.000.000	1.010.000	9.71
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	2.155.186.800	145.060	1.28	2.155.186.800	145.060	1.28
TỔNG CỘNG	12.255.186.800			12.255.186.800		

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	13.684.195.612	11.564.322.308
Chai kết luân chuyển	10.826.059.953	17.004.316.329
Công cụ, dụng cụ	1.846.690.447	386.875.018
Khác	3.012.469.730	6.735.125.447
TỔNG CỘNG	29.369.415.742	35.690.639.102

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán khác	8.204.415.504	7.859.891.856
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 24)	45.667.246.329	94.876.890.741
TỔNG CỘNG	53.871.661.833	102.736.782.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế tiêu thụ đặc biệt	65.174.071.595	745.733.911.171	(745.101.709.195)	65.806.273.571
Thuế giá trị gia tăng	7.159.299.598	118.886.716.565	(104.138.236.573)	21.907.779.590
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.650.381.467	10.847.357.026	(13.132.786.670)	364.951.823
Thuế thu nhập cá nhân	164.233.026	2.495.055.507	(2.157.781.982)	501.506.551
Thuế khác	692.119.633	709.148.172	(1.401.267.805)	-
TỔNG CỘNG	<u>75.840.105.319</u>	<u>878.672.188.441</u>	<u>(865.931.782.225)</u>	<u>88.580.511.535</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.935.033.065	59.400.000
Chi phí lãi vay	1.650.629.875	3.365.229.125
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.275.070.797	3.663.058.231
TỔNG CỘNG	<u>5.860.733.737</u>	<u>7.087.687.356</u>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	5.016.467.808	4.360.805.073
Phải trả ngắn hạn khác	541.727.199	94.569.762
TỔNG CỘNG	<u>5.558.195.007</u>	<u>4.455.374.835</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên thứ ba</i>	<i>5.558.195.007</i>	<i>4.455.374.835</i>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

15. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm Giá trị
	Giá trị		Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 15.1)	154.469.396.293		898.965.888.109	(861.922.829.454)	191.512.454.948
Vay dài hạn đến hạn trả	43.000.000.000		-	(43.000.000.000)	-
	197.469.396.293		898.965.888.109	(904.922.829.454)	191.512.454.948
Vay dài hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	245.500.000.000		-	(185.500.000.000)	60.000.000.000
TỔNG CỘNG	442.969.396.293		898.965.888.109	(1.090.422.829.454)	251.512.454.948

15.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Vay ngắn hạn ngân hàng thể hiện các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Nhóm Công ty thu thập các khoản vay này để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay này được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%)	Hình thức đảm bảo
01/2015-HẾTDH/NHCT908-WSB	87.586.021.532	6 tháng kể từ ngày nhận nợ	từ 4,3 đến 4,6	Tín chấp
01/2015-HẾTDH/NHCT908-BSGST	103.926.433.416	6 tháng kể từ ngày nhận nợ	4,6	Tín chấp
TỔNG CỘNG	191.512.454.948			

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

15. VAY (tiếp theo)

15.2 Vay ngắn hạn dài hạn

Vay dài hạn từ ngân hàng thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Chi tiết khoản vay này được trình bày như sau:

Số hợp đồng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%)	Hình thức đảm bảo	VND
12.034.010/HĐTD	<u>60.000.000.000</u>	Từ ngày 21 tháng 4 năm 2018 đến 21 tháng 10 năm 2021	6,5	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Nhà máy bia Sài Gòn Sóc Trăng.	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
				VND
Năm trước				
Số đầu năm	145.000.000.000	184.283.322.027	87.759.492.781	417.042.814.808
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	95.467.231.910	95.467.231.910
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	20.657.601.614	(20.657.601.614)	(16.358.631.421)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(16.358.631.421)	(36.250.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	(36.250.000.000)	(36.250.000.000)
Số cuối năm	145.000.000.000	204.940.923.641	109.960.491.656	459.901.415.297
Năm nay				
Số đầu năm	145.000.000.000	204.940.923.641	109.960.491.656	459.901.415.297
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	109.447.143.941	109.447.143.941
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	5.936.392.394	(5.936.392.394)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(17.409.770.703)	(17.409.770.703)
Cổ tức công bố	-	-	(58.000.000.000)	(58.000.000.000)
Số cuối năm	145.000.000.000	210.877.316.035	138.061.472.500	493.938.788.535

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	73.950.000.000	51	73.950.000.000	51
Cổ đông khác	71.050.000.000	49	71.050.000.000	49
TỔNG CỘNG	145.000.000.000	100	145.000.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	14.500.000	14.500.000
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.500.000	14.500.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.500.000	14.500.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

16.4 Cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức phải trả đầu năm	4.360.805.073	14.820.602.073
Cổ tức công bố trong năm	58.000.000.000	36.250.000.000
Cổ tức chi trong năm	(57.344.337.265)	(46.709.797.000)
Cổ tức phải trả cuối năm	5.016.467.808	4.360.805.073

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán hàng	891.075.252.319	813.653.995.088
Doanh thu dịch vụ	2.117.336.162	1.934.746.455
Doanh thu khác	9.828.802.987	10.460.215.884
TỔNG CỘNG	903.021.391.468	826.048.957.427
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	11.774.049.683	11.591.005.067
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	891.247.341.785	814.457.952.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cổ tức	2.597.487.908	2.818.488.297
Khác	69.583.535	1.123.210.173
TỔNG CỘNG	<u>2.667.071.443</u>	<u>3.941.698.470</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn các thành phẩm	736.069.147.422	675.338.095.196
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.603.183.319	1.506.773.919
Giá vốn khác	1.175.974.145	924.983.554
TỔNG CỘNG	<u>738.848.304.886</u>	<u>677.769.852.669</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.308.322.271	25.194.577.774
Khác	-	1.847.027.048
TỔNG CỘNG	<u>23.308.322.271</u>	<u>27.041.604.822</u>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí công tác thị trường	5.555.583.928	-
Chi phí khác	35.065.765	119.911.247
	<u>5.590.649.693</u>	<u>119.911.247</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương	17.744.157.209	12.680.398.384
Chi phí khác	18.334.012.028	18.831.533.410
	<u>36.078.169.237</u>	<u>31.511.931.794</u>
TỔNG CỘNG	<u>41.668.818.930</u>	<u>31.631.843.041</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

21. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	18.970.839.815	285.494.680
Các khoản thu khác	210.789.654	2.118.352.446
	<u>19.181.629.469</u>	<u>2.403.847.126</u>
Chi phí khác		
Chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản cố định	1.771.344.068	-
Chi phí khác	3.341.408.488	313.059.546
	<u>5.112.752.556</u>	<u>313.059.546</u>
LỢI NHUẬN KHÁC THUẬN	<u>14.068.876.913</u>	<u>2.090.787.580</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	584.753.591.707	517.594.644.759
Chi phí nhân công	61.936.033.107	55.821.356.465
Chi phí khấu hao	61.800.011.036	71.361.500.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.584.374.989	33.783.863.979
Chi phí khác	32.913.564.704	24.070.397.137
TỔNG CỘNG	<u>779.987.575.543</u>	<u>702.631.763.188</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Công ty được hưởng mức thuế TNDN ưu đãi 15% trong mười hai (12) năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (năm 2005), được miễn ba (3) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và giảm 50% trong bảy (7) năm tiếp theo (năm 2008) cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Công ty con được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong mười lăm (15) năm (năm 2012) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp cho chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>10.847.357.026</u>	<u>8.486.709.606</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>120.294.500.967</u>	<u>103.953.941.516</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	18.355.185.809	29.387.525.231
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	185.762.697
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	584.147.911	295.510.180
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(1.392.019.028)	(16.112.175.641)
Thuế TNDN được miễn, giảm	<u>(6.699.957.666)</u>	<u>(5.269.912.861)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>10.847.357.026</u>	<u>8.486.709.606</u>

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trong yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng Mua nguyên vật liệu Cổ tức phải trả Bán nguyên vật liệu	890.697.391.219 480.459.750.332 29.580.000.000 -	17.705.000 399.203.111.058 29.487.500.000 761.877.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Bên liên quan	Bán tài sản cố định	2.279.917.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.318.641.000	534.803.560
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực phẩm Sabeco	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	5.480.238.000	8.727.768.500
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng Bán nguyên vật liệu Phí sử dụng vỏ chai	549.950.566 - 2.015.549.777	813.427.608.086 1.920.000.000 2.175.562.855
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Bên liên quan	Doanh thu cung cấp dịch vụ Cổ tức được chia	5.005.000.000 235.765.591	4.404.400.000 209.012.774
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Tây Đô	Bên liên quan	Doanh thu cung cấp dịch vụ Thanh lý tài sản Mua nguyên vật liệu Bán nguyên vật liệu	2.525.000.000 - 13.635.454 15.844.500 47.145.600	2.525.000.000 17.116.000 - - 43.138.770

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)					
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng	28.584.096.970	-	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	19.082.183	23.811.458	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Bên liên quan	Doanh thu dịch vụ	10.904.104	11.209.322	
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Đầu tư khác	Doanh thu dịch vụ	-	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Doanh thu bán hàng	-	65.736.738.540	
			28.614.083.257	65.771.759.320	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)					
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Dịch vụ khác	-	151.440.219	
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)					
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Thuế tiêu thụ đặc biệt chi hộ	-	131.508.005.554	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Bên liên quan	Cổ tức phải thu	-	2.002.000.000	
			-	133.510.005.554	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả người bán ngắn hạn					
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	44.869.206.804	94.765.636.941	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	27.096.300	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực Thực phẩm Trường Sa	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu, vật tư	659.515.500	-	
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Bên liên quan	Mua dịch vụ	92.431.825	-	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Sabeco	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	84.157.500	
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Bên liên quan	Mua hàng	46.092.200		
			45.667.246.329	94.876.890.741	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tiền lương, thưởng của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và thưởng	<u>6.832.145.182</u>	<u>5.766.384.173</u>

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Nhóm Công ty (VND)	109.447.143.941	95.467.231.910
Trừ: quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	<u>(15.194.761.025)</u>	<u>(14.829.632.389)</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty	94.252.382.916	80.637.599.521
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	<u>14.500.000</u>	<u>14.500.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	6.500	5.561
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	6.500	5.561

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm nay theo kế hoạch của Công ty.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, cồn và nước giải khát. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không trình bày.

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	606.165.154	603.450.194
Từ 1 đến 5 năm	3.686.821.864	3.662.116.464
Trên 5 năm	23.462.349.295	24.276.596.340
TỔNG CỘNG	27.755.336.313	28.542.162.998

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Dương Thị Thúy Hồng
Người lập biểu



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017